

**UỶ BAN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **13145** /UBND-KT

Nghệ An, ngày **26** tháng **11** năm **2025**

V/v rà soát, xử lý các dự án đầu tư công
tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm
tiến độ và các dự án do cấp huyện
quyết định đầu tư đang thi công dở
dang, chưa triển khai thực hiện

Kính gửi:

- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các chủ đầu tư.

Thực hiện Công điện số 112/CĐ-TTg ngày 06/11/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc tập trung giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, khẩn trương triển khai, hoàn thành, đưa vào sử dụng chống lãng phí, thất thoát. Căn các Quyết định của UBND tỉnh: số 2936/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 và số 3263/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 giao nhiệm vụ chủ đầu tư đối với các chương trình, nhiệm vụ, dự án đầu tư công do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp. Để xử lý dứt điểm các dự án tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm tiến độ trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh yêu cầu:

1. Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND các xã, phường và các chủ đầu tư

- Tổ chức rà soát, đánh giá lại tổng thể các dự án đã được báo cáo là dự án tồn đọng, vướng mắc theo Công điện số 112/CĐ-TTg do đơn vị làm chủ đầu tư (có danh sách cụ thể kèm theo), đồng thời tiếp tục rà soát, bổ sung các dự án, công trình tồn đọng, dừng thi công, thi công chậm tiến độ kéo dài (nếu còn). Trong đó, đối với từng dự án, yêu cầu rà soát, đánh giá lại sự cần thiết tiếp tục đầu tư dự án và xử lý dứt điểm các vướng mắc, tồn đọng. Trường hợp dự án không thật sự cần thiết hoặc gặp vướng mắc dự kiến không thể hoàn thành toàn bộ dự án, đề xuất cấp có thẩm quyền cắt giảm quy mô, hạng mục đầu tư, xác định điểm dừng kỹ thuật hợp lý hoặc đề xuất dừng dự án theo quy định, nhưng phải bảo đảm phát huy hiệu quả các hạng mục đã đầu tư, chống thất thoát, lãng phí theo chỉ đạo của UBND tỉnh tại Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 15/9/2025. Báo cáo về các Sở quản lý xây dựng chuyên ngành và Sở Tài chính để kiến nghị xử lý đối với từng trường hợp cụ thể.

- Đối với các dự án đã được cấp huyện (trước khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp) quyết định đầu tư còn lại (bao gồm các công trình chuyển tiếp, công trình đã quyết định chủ trương đầu tư/quyết định đầu tư nhưng chưa triển



khai thực hiện)¹: Tổ chức rà soát, đánh giá sự phù hợp với quy hoạch, sự cần thiết và hiệu quả đầu tư của từng dự án để đề xuất cấp có thẩm quyền dùng thực hiện hoặc chọn điểm dùng kỹ thuật hợp lý. Trường hợp thật sự cần thiết, căn cứ khả năng cân đối vốn mới đề xuất tiếp tục triển khai thực hiện.

- Đối với các dự án được bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2025, tập trung thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, hoàn chỉnh hồ sơ thủ tục để đẩy nhanh tiến độ thi công, kịp thời tháo gỡ khó khăn và chịu trách nhiệm về kết quả giải ngân của từng dự án, phân đấu giải ngân 100% kế hoạch vốn được giao theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

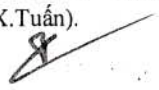
2. Các Sở: Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Giáo dục và Đào tạo, Công Thương, Y tế, Khoa học và Công nghệ, Văn hoá, Thể thao và Du lịch

- Theo chức năng, nhiệm vụ được giao chủ động tổ chức kiểm tra thực tế hiện trường; trên cơ sở vướng mắc chung của các dự án, kịp thời đôn đốc các chủ đầu tư tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho nhà thầu; đồng thời thực hiện rà soát, có phương án xử lý đối với từng dự án thuộc lĩnh vực phụ trách trong 127 dự án² đã được Sở Tài chính tổng hợp và các dự án chủ đầu tư mới bổ sung (nếu có).

- Sau khi thống nhất phương án xử lý, thực hiện đôn đốc, hướng dẫn các chủ đầu tư lập hồ sơ, tài liệu; tổ chức thẩm định và trình cấp có thẩm quyền giải quyết dứt điểm đối với từng dự án. Khẩn trương báo cáo kết quả xử lý về UBND tỉnh (qua Sở Tài chính để tổng hợp) trước ngày **30/11/2025**.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện và chịu trách nhiệm trước UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tiến độ thi công và giải ngân các dự án. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, kịp thời phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết theo quy định./. 

Nơi nhận: 

- Như trên;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - CVP, PCVP KT UBND tỉnh;
 - Lưu: VT, KT (X.Tuấn).
- 

TM.ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Phú Hiền

¹ Ngoài Quyết định số 2936/QĐ-UBND ngày 15/9/2025 và số 3263/QĐ-UBND ngày 17/10/2025 của UBND tỉnh, các Ban quản lý dự án khu vực đang tiếp tục rà soát để tham mưu UBND tỉnh giao chủ đầu tư các dự án còn thiếu, quá trình có thêm các Quyết định, các chủ đầu tư mới chủ động cập nhật để có phương án xử lý báo cáo kịp thời.

² Đối với các dự án chưa được giao chủ đầu tư mới sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp, đề nghị các cơ quan, đơn vị chủ động cập nhật theo các Quyết định của UBND tỉnh.

TỔNG HỢP
 Các dự án, công trình đầu tư công tồn đọng, dừng thi công kéo dài, chậm tiến độ hoàn thành và đưa vào khai thác, sử dụng

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTTĐT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lũy kế bổ trợ vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện nay	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSTW	NSDP														Khác
I	Lĩnh vực Công Thương																						
1	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nam Giang, huyện Nam Đàn	UBND huyện Nam Đàn	UBND xã Kim Liên	B	426/QĐ-UBND-ĐT ngày 18/02/2011; 725/QĐ-UBND-CN ngày 16/3/2011 (ĐC CTTĐT)	3142/QĐ-UBND-ĐT ngày 11/8/2011	90,102		90,102		31,939	33,845	31,939 (100%)				131 tháng		Dự án đã thi công đạt 73,6% khối lượng so với hợp đồng	Nguồn vốn thực hiện dự án: Ngân sách tỉnh hỗ trợ bởi thường giải phóng một bằng từ quỹ giải phóng một bằng và đầu tư từ tối đa 70% giá trị phần xây lắp của dự án từ ngân sách hằng năm; Ngân sách huyện và vốn góp của các doanh nghiệp để thực hiện phần còn lại. Đến nay, ngân sách tỉnh đã hỗ trợ 26.446 triệu đồng trong tổng số 31,939 triệu đồng đã giải ngân. Công trình dừng thi công từ tháng 12/2020 do thiếu vốn.			
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Nghĩa Mỹ	UBND thị xã Thái Hòa	UBND xã Đông Hiếu	C		4853/QĐ-UBND-CN ngày 31/10/2008	64,166		43,085	21,081	21,081	24,986	21,081 (100%)				60 tháng		- Gói thầu số 05: Đến nay đã thi công hoàn thành khoảng 35% giá trị hợp đồng. Dừng thi công từ năm 2009 do vướng công tác GPMB. - Gói thầu số 03: Đến nay đã thi công hoàn thành khoảng 90% giá trị hợp đồng, dừng thi công từ năm 2022 do điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh dự án	Do vướng công tác GPMB (chi phí GPMB và chi phí xây dựng tăng cao). Nguồn vốn bố trí gặp khó khăn. Quá trình thu hút đầu tư phải điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỉ lệ 1/500 dẫn đến phải điều chỉnh đường ống xử lý nước thải; bên cạnh đó phải điều chỉnh bổ sung một số hạng mục nhằm phát huy hiệu quả dự án. Tại thời điểm hiện tại để hoàn thành dự án phải tiến hành điều chỉnh tổng mức đầu tư.			
3	Xây dựng chợ lớn Mát, xã Nghĩa Lộc, huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Lộc	UBND xã Nghĩa Lộc	C		5781/QĐ-UBND ngày 10/12/2010	4,999				1,000	2,650	1 (100%)				149 tháng		Hoàn thành hạng mục san nền	Khó khăn về khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương			
4	Hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Na Khúm, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	UBND xã Quế Phong	C		5631/QĐ-UBND-ĐT ngày 24/10/2014	25,914				2,000						120 tháng	120 tháng	Công trình chưa triển khai thực hiện công tác đấu thầu thi công xây dựng	Dự án được phê duyệt từ năm 2014 nhưng chưa triển khai thi công; hiện nay, dự án không còn phù hợp với các Quy hoạch trên địa bàn huyện			
5	Chợ nông thôn xã Tân Thắng	UBND xã Tân Thắng	UBND xã Tân Thắng	C			2,168				1,887	1,887	1,887 (100%)						Công trình hoàn thành xong phần xây lắp, còn phần sơn và làm lễ	Công trình hoàn thành xong phần xây lắp, còn phần sơn và làm lễ. Đơn vị thi công không đủ năng lực, không liên lạc được			
II	Lĩnh vực giáo dục và đào tạo																						
1	Dự án, xây dựng mới Trường THPT chuyên Phan Bội Châu (giai đoạn 1)	Sở Giáo dục và Đào tạo	Ban QLDA đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	1534/QĐ-TTg ngày 03/8/2017; 3684/QĐ-BGDĐT ngày 20/9/2018	5427/QĐ-UBND ngày 07/12/2018; 5596/QĐ-UBND ngày 20/12/2018; 4082/QĐ-UBND ngày 14/11/2020	95,000		15,000	80,000	89,232	89,232	89,232 (100%)				48 tháng		Hiện tại đã hoàn thành cơ bản các hạng mục xây dựng của công trình. Chủ đầu tư chưa thi công các hạng mục chưa thi công hệ thống phòng cháy chữa cháy và thang máy; do đó chưa hoàn thành, bàn giao đưa vào sử dụng	Chủ đầu tư đã cơ bản hoàn thành các hạng mục xây dựng theo Quyết định đầu tư dự án được phê duyệt. Tuy nhiên, do biến động giá cả vật liệu xây dựng so với thời điểm phê duyệt dự án, tổng mức đầu tư không đủ cân đối để thực hiện lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy nên đến nay dự án vẫn chưa thể đưa vào sử dụng.			
2	Dự án Xây dựng nhà học 2 tầng 12 phòng học và nhà Đa chức năm trường THCS Đinh Sơn	UBND xã Đinh Sơn	UBND xã Nhân Hòa	C	173/QĐ-UBND ngày 19/9/2018	199/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	8,784			8,784	3,980	5,470	3,98 (100%)				51 tháng		Dự án đã hoàn thành 70%	Đơn vị thi công thực hiện chậm tiến độ do khó khăn về nguồn vốn			

[illegible]

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTĐT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lũy kế bổ tri vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện nay	Lý do tồn đọng, đứng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSTW	NSDP														Khác
4	Kè chống sạt lở bờ sông Năm Mội đoạn qua các bản Khố Tỷ, Na Lương và bản Bả xã Hữu Kiêm, huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	C	53/QĐ-UBND ngày 10/04/2013 và 99/QĐ-UBND ngày 15/05/2015		64,908				10,000	10,000	10,000 (100%)			93 tháng		Khối lượng thi công đạt khoảng 10% giá trị HD xây lắp, đã giải ngân 5/47,29 tỷ. Công trình bị lũ cuốn trôi 1 phần. Hiện tại dừng thi công	Công trình dừng thi công do không bố trí nguồn vốn, đơn vị thi công đang phối hợp hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục đã thi công				
5	Dự án: Di dân khẩn cấp vùng thiên tai và đặc biệt khó khăn biên giới xã Tri Lễ, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An)	UBND huyện Quế Phong	UBND xã Tri Lễ	B	4643/QĐ-UBND-NN ngày 16/11/2012	1340/QĐ-UBND ngày 12/05/2021	198,414				62,483	62,483	62,483 (100%)	2	Năm 2020, 2022	Thanh tra tỉnh năm 2020, Kiểm toán năm 2022	120 tháng	36 tháng	Đã hoàn thành hạng mục đoạn tuyến đường giao thông từ Km2+900 đến Km9+140	Các hạng mục còn lại thuộc dự án chưa được đầu tư do chưa được bố trí vốn gồm: Đường giao thông từ Km0+00-Km2+900; Hệ thống điện, nước sinh hoạt...; Cầu bản Chọt tại Km2+490,98 (nguồn vốn NSTW bố trí cho hạng mục này không được Chính phủ cho phép gia hạn thời gian thực hiện (nguồn vốn được bố trí tại QĐ số 535/QĐ-UBND ngày 02/12/2021). Hiện nay đã hết hạn thời gian thi công.			
6	Hệ thống tiêu úng vùng màu huyện Nghi Lộc (đầu tư các hạng mục trên địa bàn thuộc thị xã Cửa Lò)	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	B		4592/QĐ-UBND-NN ngày 28/10/2011	103,300		103,300		55,170	55,170	55,170 (100%)	1	Ngày 17/10/2013 đến 19/11/2013	50/SXD-ĐKT.TT ngày 09/01/2014 của Thanh tra Sở xây dựng	24 tháng	14 tháng	Khối lượng hoàn thành ước đạt 72%.	Vướng công tác GPMB và khó khăn về nguồn vốn			
7	Khu neo đậu tránh trú bão Lạch Cơn (Giai đoạn 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	C	3855/QĐ-UBND-NN ngày 16/8/2009, 4269/QĐ-UBND-NN ngày 21/9/2010		95,210				73,590	63,283	66,500 (90,48%)	1	Năm 2014	KTNN- K.VII ngày 09/12/2014	126 tháng	36 tháng	Thi công hoàn thành các hạng mục: nương dục, mái kè, tường kè đoạn K0+00 đến K0+800 và đắp nền đến K0900; thi công mặt đường 550m từ K0+46 đến K0+600. Công trình thi công khối lượng ước đạt 71% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB, khó khăn về nguồn vốn			
8	Cải tạo nâng cấp kênh nhà Lê từ KCN Hoàng Mai đến Lạch Cơn	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	C	5795/QĐ-UBND ngày 26/9/2014		50,319				8,132	7,129	7,129 (87,66%)				102 tháng	12 tháng	Công trình thi công khối lượng ước đạt 16% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB, khó khăn về nguồn vốn			
9	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống để lưu vực Sông Cỏ, tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	4812/QĐ-UBND-NN ngày 14/10/2010		975,920				281,223	288,280	280,901 (99,89%)	1	Năm 2018	10/TB-K.VII của Kiểm toán nhà nước Khu vực II	132 tháng		Dự án đang thi công dở dang	Dự án chưa được cấp đủ vốn, tạm dừng thi công từ năm 2014 (dự án được bố trí vốn theo gói thầu)			
10	Dự án Bố trí sắp xếp dân cư vùng thiên tai sạt lở và vùng đặc biệt khó khăn xã Lạng Khê huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	UBND xã Châu Khê	C		1691/QĐ-UBND-NN ngày 29/10/2009, ngày 18/5/2011	63,577				18,200	18,200	18,200 (100%)				132 tháng		Mới hoàn thành 1 phần khối lượng xây lắp	Chưa huy động được nguồn vốn triển khai thực hiện các bước tiếp theo			
11	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Rú Giang	UBND thị xã Thái Hòa	UBND xã Đông Hiếu	C		1993/QĐ-UBND-NN ngày 17/5/2010	76,862	50,217	3,000	23,645	50,220	36,894	32,643 (65%)	3	Năm 2013, 2017	Kiểm toán năm 2013, Thanh tra Bộ KHĐT năm 2017, Thanh tra tỉnh năm 2017	18 tháng		Đã thi công hoàn thành khoảng 67% khối lượng hợp đồng. Dừng thi công từ năm 2014	Dự án được phân lý thành 02 giai đoạn đầu tư tại Quyết định số 1450/QĐ-UBND ngày 11/5/2020 của UBND tỉnh Nghệ An, theo đó Giai đoạn 01 triển khai các hạng mục: Đường giao thông vào vùng dự án; Đoạn từ Km2+900 đến Km4+800; đoạn từ Km4+800 đến Km5+500 và cầu bản Kém tại Km4+865,18; đoạn từ Km5+500 đến Km9+140, với TMDT 68,673 tỷ đồng; Giai đoạn 02 triển khai các hạng mục còn lại của dự án khi đủ điều kiện về nguồn vốn. Hiện nay, giai đoạn 01 của dự án đã hoàn thành; giai đoạn 02 chưa triển khai thực hiện do chưa được bố trí nguồn vốn.			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTDT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Luỹ kế bổ trợ vốn (đến ngày 31/12/2024)	Luỹ kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Luỹ kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện nay	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSTW	NSDP														Khác
12	Xây dựng trạm bơm Đập Trần xã Diên Liên	UBND xã Diên Liên	UBND xã Quảng Châu	C	4963/QĐ-UBND ngày 25/10/2013		7,684				4,220	4,831	4,220 (100%)			6 tháng		Khởi công tháng 3/2017, thời gian thực hiện 5 tháng. Khối lượng, công việc xây dựng đã thực hiện: Tính đến tháng 07/10/2017, giá trị xây lắp đã thực hiện 4.719 triệu đồng bao gồm các hạng mục: Kênh chính tả và công trình trên kênh; Kênh chính hữu và công trình trên kênh; Kênh dẫn kênh xả và các hạng mục phụ trợ. Trạm bơm: gồm nhà trạm bơm, bể hút trạm bơm, bể xả trạm bơm, trang thiết bị	Dự án được phê duyệt trước ngày luật đầu tư công có hiệu lực (1/1/2015). Nhà thầu thực hiện khối lượng theo nguồn vốn được cấp, ngân sách xã không đối ứng nên dừng thi công				
13	Dự án sửa chữa, nâng cấp trạm bơm Cồn Trun xã Diên Phú, huyện Diên Châu	UBND xã Diên Phú	UBND xã Tân Châu	C	1847/QĐ-UBND.NN ngày 26/05/2011	2108/QĐ-UBND.NN ngày 18/05/2010	5,845				1,000	0,411	1,000 (100%)			159 tháng		Công trình khởi công vào T6/2011. Khối lượng, công việc xây dựng đã thực hiện: Tính đến tháng 3/2017, giá trị xây lắp đã thực hiện 411.246 triệu đồng bao gồm: Đập đào tuyến kênh hút (Vết bùn: 970 m3/theo hợp đồng 1.688 m3; Đất đắp: 2.359 m3/3.375 m3, Tái nước hồ móng: 1.5 ca, đất đắp kênh tại chỗ: 1.343 m3/1.688 m3); Đào đắp để quay thi công kênh hút (Đất đắp để quay KT 2*(2*4*8) 128 m3, Đất đào để quay KT 2*(2*4*8): 128 m3)	Dự án được phê duyệt trước ngày luật đầu tư công có hiệu lực (1/1/2015). Đơn vị thi công không thực hiện đúng tiến độ và không hoàn thành công việc đúng theo hợp đồng đã ký.				
14	Sửa chữa, nâng cấp kênh tiêu Ngọc Thánh, xã Diên Minh, huyện Diên Châu	UBND xã Minh Châu	UBND xã Minh Châu	C	2608/QĐ-UBND ngày 25/6/2013		14,361				8,344	7,550	8,344 (100%)	1	1/2016	124 tháng		1. Tuyến kênh Ngọc Thánh: đã thực hiện cầu 8m; cầu 6m; cầu tại công chào; công tiêu D60 = 5 cái; công tiêu D80 = 2 cái; Lát mái kênh đã sản xuất 389,06m3 (bao gồm 6000 tấm đã lát tương đương 240m, còn lại đang để tại sân vận động và sân UBND xã Diên Minh cũ); nạo vét kênh từ K0+305 đến Kênh Rộc Rối. 2. Tuyến kênh Rộc Rối: đã làm cầu 4m; Công qua đường có mương kẹp; nạo vét kênh từ K0 đến cuối tuyến; tu sửa bờ mương. 3. Tuyến kênh Bờ Mới: đã làm cầu 4m; cầu 8m; Công tiêu D60 = 6 cái; đào mở rộng kênh; tu sửa bờ mương. 4. Tuyến đường Bờ Mới: đã hoàn thành	Dự án được duyệt phê duyệt trước ngày luật đầu tư công có hiệu lực (1/1/2015). Sau ngày luật đầu tư công có hiệu lực dự án tiếp tục được bố trí vốn đầu tư công ngân sách tính giai đoạn 2016-2020, tuy nhiên Chủ đầu tư không huy động được đủ nguồn vốn theo cơ cấu nguồn vốn được phê duyệt để hoàn thành dự án trong giai đoạn 2016 - 2020.				
15	Dự án: Sửa chữa, nâng cấp đập dâng Mường Cuông, xã Mường Nọc, huyện Quế Phong	UBND huyện Quế Phong	UBND xã Quế Phong	C	1233/QĐ-UBND.NN Ngày 18/4/2011	4363/QĐ-UBND ngày 19/10/2011	8,713				1.150	3,844	1.150 (100%)			144 tháng	144 tháng	Dự án đã thi công hoàn thành gói thầu 01: Phần xây lắp công trình đầu mối và kênh chính từ K0+00 đến K1+00 (giá trị: 3.246 triệu đồng). Đối với các hạng mục, đoạn tuyến hoàn thành đã được đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ tưới tiêu cho diện tích cây trồng của người dân. Giá trị giải ngân: 1,15 tỷ đồng	Dự án chưa được bố trí vốn để triển khai thi công gói thầu số 02: Phần xây lắp kênh và công trình trên kênh đoạn từ K1+00 đến K3+00 (giá trị 3.643 triệu đồng)				
16	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Quỳnh Lâm	UBND xã Quỳnh Lâm	UBND xã Quỳnh Sơn	C			20,886	3,883			3,843		3,883 (100%)					Khối lượng đạt 40% giá trị	Không đủ nguồn vốn để tiếp tục				
17	Sửa chữa, nâng cấp đập Bang Nhương, xã Thanh Ngọc, huyện Thanh Chương	UBND huyện Thanh Chương	Các cơ quan, đơn vị chủ đồng cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	C	1825/QĐ-UBND -NN ngày 06/5/2010	1825/QĐ UBND-NN ngày 06/5/2010	4,960				3,500	4,140	3,500 (100%)			168 tháng	152 tháng	Mới thi công được kênh dẫn nước và công lấy nước, thân đập mới thi công đắp đất và gia cố mái hạ lưu. Tạm dừng thi công từ năm 2012	Dự án không được bố trí thêm vốn				
18	Sửa chữa nâng cấp hồ chứa nước Khe Ngâm xã Nghĩa Thịnh huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Hưng	C	6888/QĐ-UBND ngày 09/12/2014		23,000		28,000		0,650		0,650 (100%)					Dự án dừng ở bước thiết kế	Dự án dừng ở bước thiết kế				
19	Xây dựng hệ thống sạt lở ven sông Năm Mỏ đoạn qua K4-TT Mường Xén- Huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	Các cơ quan, đơn vị chủ đồng cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	C	618/QĐ-UBND ngày 09/03/2011 và 3051/QĐ-UBND -NN ngày 08/8/2011		37,365				8,600	8,600	8,559 (99,52%)			143 tháng		Khối lượng thi công đạt khoảng 27,24% giá trị HD xây lắp, đã giải ngân 7,35/29,42 tỷ. Công trình bị lũ cuốn trôi 1 phần. Hiện tại dừng thi công	Công trình dừng thi công do không bố trí nguồn vốn, đơn vị thi công đang phối hợp hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục đã thi công				

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTD/Phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư			Lũy kế bổ tri vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)					Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)								
							Tổng số	NSTW							NSDP	Khác						
20	Xây dựng kè chống sạt lở ven sông Nậm Mô đoạn qua K5-TT Mường Xén- Huyện Kỳ Sơn	UBND huyện Kỳ Sơn	Lạc cơ Quan, đơn vị chủ đầu tư theo các quyết định của	C	5674/QĐ-UBND-NN ngày 16/12/2008		8.202			6.700	6.700	5.694 (99,91%)				158 tháng		Khối lượng thi công đạt khoảng 94% giá trị HD xây lắp, đã giải ngân 5.8/6,17 tỷ. Công trình bị lũ cuốn trôi 1 phần. Hiện tại dừng thi công.	Công trình dừng thi công do không bố trí nguồn vốn, đơn vị thi công đang phối hợp hoàn thiện hồ sơ quyết toán các hạng mục đã thi công.			
21	Xây dựng kè chống sạt lở và chắn rồng bờ biển đoạn từ quảng trường Bình Minh đến cảng Cửa Lò, thị xã Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	C	3990/QĐ-UBND-NN ngày 28/9/2011		68.114		68.114	19.800	19.800	19.800 (100%)				135 tháng		Đã thi công Hạng mục công tiểu 2/4 công (tại lý trình Km 2+340 và Km3+20); Tuyến kè 1.444,86m/3.036,87m; Đường dạo bộ (lớp bê tông móng) đã thi công được 1.121,05m/3.036,87m. Ngày 18/9/2020, UBND tỉnh Nghệ An có văn bản số 6540/UBND-NN về việc dừng thực hiện dự án.	Từ tháng 4/2013 công trình tạm dừng thi công do khó khăn về nguồn vốn			
22	Xây dựng hạ tầng dịch vụ nghề cá tại Lạch Quên, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	35/NQ-HĐND ngày 12/12/2019	2744/QĐ-UBND ngày 14/8/2020	200.000	200.000		200.000	188.900	188.9 (94,45%)	1	Năm 2022	Kiểm toán Nhà nước	48 tháng	12 tháng	Đã hoàn thành 06/07 gói thầu xây lắp, còn 01 gói thầu đang thực hiện	Dự án được đầu tư từ nguồn đến bù của Cty Formosa. Quá trình thi công gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của thời tiết, dẫn đến không bảo đảm tiến độ.			
23	Xây lắp tuyến đê biển Bãi Ngang, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Môi trường	B	3781/QĐ-UBND-NN ngày 08/5/2009		158.730			142.270	148.069	142.270 (100%)	1	Năm 2016	Đoàn thanh tra theo QĐ số 1524/QĐ-KKHDT ngày 19/10/2016	132 tháng	36 tháng	Dự án đã thi công 98% khối lượng và đưa vào sử dụng phát huy hiệu quả	Dự án chưa được cấp đủ vốn, tổng vốn đã cấp cho dự án là 142,27 tỷ đồng. Mặt khác, trải qua thời gian dài, địa hình có nhiều thay đổi, việc không thi công 2% khối lượng còn lại tại thời điểm này không ảnh hưởng đến an toàn công trình			
24	Đập Hồng Vang xã Thanh Khê	UBND huyện Thanh Chương	UBND xã Hòa Xuân	C	3229/UBND-NN ngày 16/5/2016	4126/QĐ UBND-NN ngày 16/9/2010	6.440			4.286	6.000	4.286 (100%)				146 tháng	90 tháng	Đã thi công xong các hạng mục công trình	Nhà thầu không hoàn thiện để làm công tác nghiệm thu bàn giao, công trình lâu ngày xuống cấp rò rỉ nước nên không thực hiện công tác bàn giao được			
25	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Thi, xã Nghi Công Nam huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	C	5053/QĐ-UBND ngày 30/10/2013		48.302		48.302	11.400	14.852	11.400 (100%)	1	Năm 2016	QĐ thanh tra số 3883/ QĐ-TTCT ngày 28/12/2015 của thanh tra Chính Phủ	108 tháng		Dự án gồm 2 hạng mục chính: Đập và kênh. Phần kênh đã thi công xong, phát huy hiệu quả, khối lượng thi công đạt 21%.	Do thiếu vốn. Dự án gồm 2 hạng mục chính: Đập và kênh. Phần kênh đã thi công xong, phát huy hiệu quả. Phần đập chưa triển khai thi công do thiếu nguồn vốn			
26	Trạm bơm Hưng Xuân	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	C	1446/QĐ-SNN ngày 09/12/2014		5.590		5.590	3.000	4.088	3.000 (100%)	1	T4/2016	QĐ thanh tra số 3883/ QĐ-TTCT ngày 28/12/2015 của thanh tra Chính Phủ	114 tháng		Dự án gồm hạng mục nạo vét kênh dẫn và lắp đặt mới máy bơm. Hiện tại, hạng mục nạo vét kênh dẫn đã thi công xong, phát huy hiệu quả. Khối lượng thi công đạt 77%.	Hạng mục lắp đặt máy bơm trong dự án chưa thi công do thiếu nguồn vốn. Tuy nhiên, để đảm bảo phục vụ sản xuất, Công ty đã khắc phục để lắp đặt tạm máy bơm cho trạm bơm Hưng Xuân. Do đó, hạng mục lắp máy sẽ xuất không tiếp tục thi công.			
27	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Xiêm, xã Nghi Đông huyện Nghi Lộc tỉnh Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Nghệ An	C	4729/QĐ-UBND ngày 16/10/2013		13.100		13.100	11.025	11.169	11.025 (100%)	1	Năm 2016	QĐ thanh tra số 3883/ QĐ-TTCT ngày 28/12/2015 của thanh tra Chính Phủ	110 tháng	38 tháng	Dự án gồm 2 hạng mục chính: Nâng cấp đập phụ và mở rộng tràn xả lũ. Hạng mục nâng cấp đập đã thi công xong, phát huy hiệu quả. Hạng mục mở rộng tràn xả lũ: Theo thiết kế thi công bằng biện pháp nổ mìn. Đến nay việc thi công theo biện pháp nổ mìn rất khó khăn. Khối lượng thi công đạt khoảng 90% giá trị hợp đồng xây lắp.	Việc thi công theo biện pháp nổ mìn rất khó khăn. CĐT đã xuất dừng không thi công hạng mục này			
28	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trung Mết, xã Tiên Kỳ, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	UBND xã Tiên Đông	C	3286/QĐ-UBND-NN ngày 30/7/2013	4847/QĐ-UBND-NN ngày 22/10/2013	9.749		9.749	5.000	5.000	5.000 (100%)	1	Năm 2019	Biên bản kiểm toán ngày 15/7/2019	106 tháng	62 tháng	Đã thi công đạt hơn 43% giá trị khối lượng hợp đồng xây lắp (đã thi công hoàn thành phần đập chính, còn đập phụ chưa thi công); hiện đang tạm dừng thi công	Vướng mắc GPMB phản đáp phụ do chi phí đền bù GPMB cho các hộ dân bị ảnh hưởng, dự kiến khoảng 3 tỷ đồng (đã được Hội đồng đền bù GPMB huyện tạm tính năm 2017) nhưng chi phí GPMB của dự án được tính phê duyệt chỉ có 294 triệu đồng. Huyện không bố trí được kinh phí GPMB, trong khi phản đáp chính đã thi công hoàn thành vẫn phát huy hiệu quả.			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Quyết định CTDT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư			Loại kế hoạch được phê duyệt (tính từ ngày 31/12/2024)	Loại kế hoạch được phê duyệt (tính từ ngày 31/12/2024)	Số lần kiểm tra, thanh tra	Kiểm tra, thanh tra dự án		Thời gian chậm tiến độ	Tiến độ dự án/Trình công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú
					Tổng số	Trong đó					Thời gian, ngày, tháng, năm, cơ quan ban hành	Theo QP đầu tư (tháng)						
						NSTW	NSDP											
29	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng khu vực sân vận động và sân bóng đá tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	574/QĐ-UBND ngày 02/12/2009	367.662			2832/QĐ-UBND ngày 02/7/2019	55.100 (100%)				132 tháng	Dự án đang thi công dở dang, dừng thi công từ năm 2014	Dự án chưa được cấp dự toán, tổng vốn dự kiến cho dự án là 55,1 tỷ đồng, tạm dừng thi công từ năm 2014			
30	Xây dựng hồ chứa nước Khe Bông, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	586/QĐ-UBND ngày 06/11/2009	6.796	6.796		4409/QĐ-UBND ngày 28/9/2010	4.478 (100%)		Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	6 tháng		Tổng giá trị theo hợp đồng là 4,813 tỷ đồng, giá trị đã thực hiện là 1,710 tỷ đồng, khối lượng còn lại là 3,103 tỷ đồng. Dự án đang thi công dở dang, dừng thi công từ năm 2014	Do đơn vị thi công gặp khó khăn, không đủ năng lực để tiếp tục thực hiện, phải chờ đơn vị khác thay thế, nhà thầu cũ nên công trình tạm dừng thi công kéo dài.			
31	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực dân cư tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	UBND xã Bình Chuẩn		26.209			2437/QĐ-UBND ngày 29/10/2009	17.800 (100%)			132 tháng		Hoàn thành được 77% khối lượng xây lắp	Chưa huy động được nguồn vốn triển khai thực hiện các bước tiếp theo			
32	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống chiếu sáng khu vực sân vận động và sân bóng đá tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Yên Thành	UBND xã Con Cước		14.719			3934/QĐ-UBND ngày 11/10/2012	3.942 (100%)			132 tháng		- Các hạng mục đã hoàn thành: Dọn dẹp và hệ thống cấp nước sinh hoạt. - Các hạng mục chưa hoàn thành: Hệ thống đường ống dẫn nước tưới tiêu.	Chưa huy động được nguồn vốn triển khai thực hiện các bước tiếp theo			
33	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm nước tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND xã Minh Châu	UBND xã Minh Châu	02/QĐ-UBND ngày 27/3/2012	8.557				2.972 (100%)			149 tháng		Công trình được nghiệm thu lần cuối vào ngày 30/4/2014 với khối lượng thực hiện 2.972 triệu đồng/8.557 triệu đồng, đạt tỷ lệ 34,73% giá trị hợp đồng. Khối lượng nghiệm thu thực hiện chủ yếu là: Xây dựng 409,5 m Kênh Hầm có chiều dài 7,5 m, Kênh Hầm có chiều dài 2,5 m, Cầu bê tông cốt thép có chiều dài 24m, Cầu bê tông cốt thép có chiều dài 15 m.	Dự án được phê duyệt trước ngày 1/1/2015. Sau ngày hết hạn thi công có hiệu lực, dự án không huy động được nguồn vốn theo cơ chế quản lý tài sản.			
34	Nâng cấp, sửa chữa đập dâng tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghĩa Dân	UBND xã Nghĩa Mai	917/QĐ-UBND ngày 19/6/2013	14.797	14.797		917/QĐ-UBND ngày 19/6/2013	3.000 (100%)			122 tháng		Đã thi công xong Gói số 03: Phần xây lắp đường công vụ.	Kho khăn về khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương			
35	Xây dựng hồ chứa nước Khe Bông, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Thái Hòa		14.426	14.426		3489/QĐ-UBND ngày 30/8/2011	9.222 (100%)		Kiểm toán 2016, kiểm toán 2019			- Gói thầu số 01: Đã thi công hoàn thành từ năm 2017 (nhưng chưa tổ chức nghiệm thu đưa vào sử dụng theo quy định). - Gói thầu số 02: Đến nay đã thi công hoàn thành khoảng 94% giá trị hợp đồng và đang thi công từ năm 2016, do các hạng mục còn lại không phát huy hiệu quả, gây lãng phí.	Do các hạng mục còn lại không phát huy hiệu quả, gây lãng phí, dự án không đồng bộ nên nên thi công các hạng mục còn lại sẽ khó khăn trong quá trình vận hành và quản lý tài sản			
36	Xây dựng hồ chứa nước Khe Bông, xã Long Sơn, huyện Anh Sơn	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Thuận lợi Nam Nghệ An	Công ty TNHH MTV Thủy lợi Thuận lợi Nam Nghệ An	2742/QĐ-UBND ngày 24/07/2012	9.502	9.502			8.000 (100%)			100 tháng	26 tháng	Dự án gồm hạng mục chính là xây dựng hệ thống xả lũ và lan can trên bề mặt tại phần bê tông cốt thép và phần lan can đã thi công xong và đang thi công dở dang, dừng thi công từ năm 2013.	Dự án tạm dừng thi công do chưa có nguồn vốn bổ trợ			
37	Sửa chữa, nâng cấp đập dâng tại xã Yên Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3883/QĐ-UBND ngày 22/9/2011	36.799				20.420 (99,65%)		Báo cáo Kiểm toán NN-KVTH ngày 04/11/2013	132 tháng		Dự án đang thi công dở dang, dừng thi công từ năm 2013.	Dự án chưa được cấp dự toán, tổng vốn dự kiến cho dự án là 20,42 tỷ đồng.			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTDT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư			Lũy kế % trị vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện nay	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú		
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)					Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)							
							Tổng số	NSLW														NSP	Khác
38	Xây dựng công trình cấp nước sinh hoạt xã Diễn Minh	UBND xã Minh Châu	UBND xã Minh Châu	C	3929/QĐ-UBND ngày 5/9/2013		13,486				11,138	12,024	11,137 (99,99%)			118 tháng	58 tháng	Chất lượng công trình khi thi công theo các bản nghiệm thu thi đảm bảo nhưng do hạn mục đổ cát đáy hồ bên thi công để xuất cát giảm chưa thực hiện nên chưa nghiệm thu đưa vào sử dụng. Ngày 27/05/2020 UBND xã Minh Châu tổ chức buổi làm việc để nghiệm thu công trình nhưng có một số hạng mục chưa đạt nên chưa thể nghiệm thu yêu cầu bên B phải khắc phục lại. Ngày 22/1/2022 UBND xã tiếp tục làm việc với công ty Bắc Vinh để đơn đốc việc khắc phục các hạng mục trên và yêu cầu công ty vận hành máy chạy thử để bàn giao. Sau đó bên B đóng chạy thử nhưng chưa bàn giao đưa vào sử dụng cho UBND xã. Đến nay bên công ty mới tổ chức sửa chữa một số hạng mục như xây lại 1 đoạn bờ bao đã xuống cấp, sửa chữa đường ống bị hư hỏng.	Dự án được phê duyệt trước ngày luật đầu tư công có hiệu lực (1/1/2015). Còn một hạng mục chưa thực hiện. UBND xã và nhà thầu xin cắt giảm nên chưa quyết toán				
39	Hồ chứa nước Kê Ninh, xã Châu Hạnh, huyện Quý Châu	UBND huyện Quý Châu	UBND xã Quý Châu	B	5719/QĐ.UBND ngày 28/10/2014		139,878				76,100	51,342	76,100 (100%)	1	Năm 2020	Thông báo số 50/TB-KV.11 ngày 11/1/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực II	48 tháng		Khối lượng hoàn thành đạt 36,8 % theo hợp đồng	Do vướng mặt bằng chưa hỗ trợ được bài thái, đang điều chỉnh dự án nên tạm dừng thi công. Khối lượng hoàn thành đạt 36,8 % theo hợp đồng			
40	Khu tái định cư xen đầm sau Đập phụ 1, xã Châu Bình, huyện Quý Châu, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quý Châu	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	C	627/QĐ-UBND.NN ngày 10/02/2015	4517/QĐ.UBND ngày 09/10/2018	41,982				18,833	18,833 (100%)	1	Năm 2020	Thông báo số 50/TB-KV.11 ngày 11/1/2020 của Kiểm toán nhà nước khu vực II	50 tháng		Khối lượng hoàn thành đạt 35% khối lượng	Do chưa ngân đóng đập phụ 1 nên không có mặt bằng thi công				
41	Xây dựng trạm bơm Cồn Ngang và trạm bơm N17, xã Quỳnh Hòa, huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Hoa	UBND xã Quỳnh Sơn	C	4567/QĐ.UBND ngày 27/10/2011	4567/QĐ.UBND ngày 27/10/2011	21,633		21,633		14,490	16,545	14,490 (100%)				130 tháng		Khối lượng đạt 70% giá trị	Do thiếu nguồn vốn, xã khó khăn chưa bố trí đủ nguồn vốn để tiếp tục xây dựng công trình			
42	CSHT Láng nghề máy tre đan xuất khẩu Quỳnh Viên xã Quỳnh Thạch	UBND xã Quỳnh Thạch	UBND xã Quỳnh Văn	C		5871 29/12/2011	14,866				9,367	9,367 (100%)	1	2014	Thanh tra huyện tại KL số 1495-LK.UBND ngày 6/8/2015			Dự án đã thi công xong, chưa hoàn thành thủ tục quyết toán	Dự án đã thi công xong. Nhà thầu chưa phối hợp quyết toán				
43	Quy hoạch chia lô đất ở tại Khu tập thể Nhà máy chế Vĩnh	UBND xã Nghi Kim	UBND phường Vĩnh Hưng	C		Số 6261 ngày 19/10/2018; số 6636 ngày 31/10/2018	4,831				2,668	3,623	2,668 (100%)				4 tháng		Tiến độ thi công thực tế đã đạt 75 %, phần còn lại đang vướng mắc về mặt bằng thi công chưa được giải phóng	Có 02 hộ dân trích lục sai loại đất nên chưa có cơ sở BT-GPBM			
44	Hệ thống kênh tưới, tiêu vùng Đông xã Nghi Liên (giai đoạn 3: Đoạn từ xóm Kim Chi đến xóm Phố Môn)	UBND xã Nghi Liên	UBND phường Vĩnh Hưng	C		12/NQ-HĐND ngày 26/10/2020	4204/QĐ ngày 14/8/2021 của UBND TP Vinh	8,460	8,460		5,000	4,270	4,069 (81,38%)				21 tháng		Xây dựng đạt khoảng 90% đang giải phóng mặt bằng đợt 02 dây nhà tập thể trong khuôn viên nhà văn hoá	Chưa hoàn thành công tác BT-GPMB, phải chờ hoàn tất thủ tục điều chỉnh tổng thể QĐPK xã Nghi Liên thì mới đăng ký được kế hoạch sử dụng đất, từ đó mới bắt đầu triển khai công tác BT-GPMB			
45	Hệ thống cấp nước xã Hưng Thước thuộc dự án Quản thể lưu niệm Lê Hồng Phong	UBND huyện Hưng Nguyên	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	B		1497/QĐ-UBND ngày 22/4/2009	25,840	8,455	17,385		20,745	22,913	20,745 (100%)	1	2018	2051/SXD ngày 24/9/2018 của Thanh tra Sở Xây dựng	118 tháng	79 tháng	Dự án đã hoàn thành, hiện vướng mắc trong công tác bàn giao cho đơn vị khai thác sử dụng (Xã không đủ năng lực, doanh nghiệp vận hành: khai thác thì vướng quy định không được bàn giao)	Dự án đã hoàn thành, hiện vướng mắc trong công tác bàn giao cho đơn vị khai thác sử dụng			
46	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trần xã Nghĩa Bình, huyện Tân Kỳ	UBND huyện Tân Kỳ	UBND xã Nghĩa Đồng	C	1985/QĐ-UBND.NN ngày 21/5/2013	4803/QĐ.UBND-NN ngày 21/10/2013	9,518		9,518		7,800	7,826 (99,67%)	1	Năm 2019	Biên bản kiểm toán ngày 15/7/2019	108 tháng	18 tháng	Đã thi công hoàn thành, nghiệm thu 100% khối lượng	Sau khi thi công xong theo thiết kế đã được duyệt thì 6 hộ dân phía thượng lưu phản ánh một số diện tích đất sản xuất bị ngập nên không cho thi công phần ngưỡng tràn và cửa vào				

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTDĐT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lũy kế bổ trợ vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tăng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSYV	NSDP														Khác
8	Dự án Đường đô thị Con Cuông từ Quốc lộ 7A đến khu công nghiệp nhỏ huyện Con Cuông	UBND huyện Con Cuông	UBND xã Con Cuông	C		3065/QĐ-UBND-CNXD ngày 29/6/2009	86,464				14,876	15,417	14,876 (100%)			144 tháng		Mới hoàn thành XL từ Km0 - K.n2+00	Chưa huy động được nguồn vốn triển khai tiếp theo				
9	Đường số 1 kéo dài đầu nối với đường T-B-L và nhánh vào Nghĩa trang liệt sỹ huyện Nghĩa Đàn	UBND huyện Nghĩa Đàn	UBND xã Nghĩa Dân	C	4138/QĐ.UBND -CN ngày 06/10/2011	3390/QĐ.UB ND ngày 27/7/2017	108,477		108,477		46,862	47,200	46,862 (100%)	2	Năm 2016, 2018	BC ngày 17/1/2017 của Thanh tra Sở Xây dựng; Kết luận số 09/TB-KTNN ngày 6/8/2018 của KTNN	11 tháng		Tuyến nhánh: Đã hoàn thành. Tuyến chính: Hoàn thành rải thảm BTN phần mặt đường và phần công trình trên tuyến trên của Giai đoạn 1 mới bên phải 3,5m từ Km0+666,53 đến Km1+296,88 (cọc 53) dài 630,35 m Đạt 70% khối lượng gói thầu.	Vướng mặt bằng thi công, khó khăn về nguồn vốn			
10	Nâng cấp đường giao thông tránh lũ, cầu bê tông, cầu thép tại xã Cẩm Muôn, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quế Phong	Sở Xây dựng	B	1996/QĐ.UBND -NN ngày 17/5/2010 của UBND tỉnh	3265/QĐ.UB ND-CN ngày 17/8/2011	87,840				4,5	1,5	4,5 (100%)	1	Năm 2016	1151/KL-TT/CP của Thanh tra Chính phủ	156 tháng	156 tháng	Dự án mới triển khai thi công một số hạng mục thuộc gói thầu số 02: Xây dựng nền, mặt đường và các công trình trên tuyến đoạn Km3+00 - Km 5+517,26. Đối với các hạng mục, đoạn tuyến hoàn thành đã được đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ nhu cầu giao thương, đi lại của người dân. Khối lượng thi công gói thầu số 02 đạt khoảng 5% (phần nền, cống). Công trình dừng thi công từ năm 2015, giá trị giải ngân: 4,5 tỷ đồng.	Dự án mới triển khai thi công một số hạng mục thuộc gói thầu số 02: Xây dựng nền, mặt đường và các công trình trên tuyến đoạn Km3+00 - Km 5+517,26. Đối với các hạng mục, đoạn tuyến hoàn thành đã được đưa vào khai thác sử dụng, phục vụ nhu cầu giao thương, đi lại của người dân. Khối lượng thi công gói thầu số 02 đạt khoảng 5% (phần nền, cống). Công trình dừng thi công từ năm 2015 do thiếu vốn.			
11	XD kênh thoát nước phía tây trục dọc số III đoạn từ đường ngang số 1 đến đường ngang số 14 thị xã Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	B		1987/QĐ.UB ND-CN ngày 08/6/2007	97,122				20,470	23,907	20,470 (100%)			139 tháng		Khối lượng hoàn thành ước đạt 49% khối lượng	Dự án vướng mắc đến bù giải phóng mặt bằng, khó khăn về nguồn vốn				
12	Kênh thoát nước số 1 (đoạn từ đường ngang số 18 đến đường ngang số 23), thị xã Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các quyết định của	B		1428/QĐ.UB ND-CN ngày 07/4/2010	153,95				20,450	20,450	20,450 (100%)	1	Năm 2022	KL số 196-TBKT ngày 20/10/2022	77 tháng		Dự án đã triển khai thực hiện gói thầu số 1 đoạn từ Km0+00 đến Km0+437,6	Đã triển khai thi công đoạn từ đường 18 đến 19, dự án vướng mặt bằng thi công, khó khăn về nguồn vốn			
13	Hạ tầng khu tái định cư các địa bàn trọng điểm của thị xã Cửa Lò, tại phường Nghi Thu, thị xã Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	C		5750/QĐ.UB ND-XD ngày 29/10/2014	54,459				29	29	29 (100%)	2	Kiểm toán ngày: 15/07/2019; Thanh tra số XD: 24/02/2017	KL số 63-BBKT ngày 30/10/2019	106 tháng		Dự án còn Tuyến đường D4 và tuyến điện chưa thi công hoàn thành	Tại thời điểm thi công do vướng mặt bằng chưa nên dự án kéo dài; tuy nhiên, hiện nay dự án đã được GPMB xong để chuẩn bị triển khai tiếp			
14	Tuyến đường số 4, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	Ban QLDA đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	3174/QĐ-UBND ngày 25/7/2008	6260/QĐ-UBND ngày 09/12/2016	71,742				62,150	59,265	59,265 (95,36%)	1	Năm 2014	KTNN- KVII ngày 09/12/2014	116 tháng	52 tháng	Công trình thi công hoàn thiện tuyến đường dài 1.777,57/1.867,57m với các hạng mục nền, mặt đường, vỉa hè, bờ vĩa, cây xanh. Khối lượng ước đạt 92% giá trị hợp đồng xây lắp.	Vướng mắc 13 hộ dân chưa GPMB			
15	Đường trục ngang N2, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	B	2368/QĐ-UBND ngày 31/5/2014	2192/QĐ UB ND-DTXD ngày 31/5/2013	100,577				10,331	10,233	10,233 (99,05%)			97 tháng	24 tháng	Dự án đang triển khai giai đoạn 1, khối lượng ước đạt 20% giá trị hợp đồng xây lắp.	Vướng mắc trong công tác GPMB do các hộ dân không đồng ý với phương án đền bù được phê duyệt. Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.				
16	Tuyến đường số 2, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	B		3739/QĐ-UBND ngày 28/8/2008	132,552				52,273	50,142	50,142 (95,92%)	1	Năm 2018	41/TB-KTNNKVII ngày 06/8/2018 của Kiểm toán nhà nước Khu vực II	134 tháng	12 tháng	Đã thi công hoàn thiện tuyến đường dài 600/1.641m. Công trình thi công khối lượng ước đạt 36% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB; Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.			
17	Tuyến đường số 3, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	Ban QLDA đầu tư xây dựng dân dụng và công nghiệp tỉnh	B	3625/QĐ-UBND ngày 17/8/2008	3652/QĐ-UBND ngày 17/08/2018	253,126				180,227	179,858	179,857 (99,79%)	1	Năm 2022	192/TB-KTNNKVII ngày 20/10/2022 của Kiểm toán nhà nước Khu vực II	162 tháng	18 tháng	Dự án đã thi công cơ bản hoàn thành. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB phần vỉa hè.	Vướng mắc trong công tác GPMB; Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTĐT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư			Lũy kế hồ sơ tri vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)					Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSTW														NSDP
18	Khu tái định cư thuộc KCN Đồng Hới (vị trí số 1)	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	B	5352/QĐ-UBND ngày 08/12/2012	76/QĐ.KKT-QHĐD ngày 11/5/2011	345,417		50,410	43,222	50,388 (99,96%)	1	Năm 2016	BBKT ngân sách địa phương năm 2015 ngày 11/8/2016	110 tháng	36 tháng	Công trình thi công khối lượng ước đạt 58,95% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB; Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.				
19	Khu tái định cư thuộc KCN Đồng Hới (vị trí số 2)	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	B	1976/QĐ-UBND ngày 10/2/2015	10/QĐ.EQL-KKT ngày 10/02/2011	166,566		69,636	60,419	69,636 (100%)	1	Năm 2016	BBKT ngân sách địa phương năm 2015 ngày 11/8/2017	120 tháng	36 tháng	Công trình thi công khối lượng ước đạt 40,16% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB; Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.				
20	Đường trục dọc D1, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	B	2372/QĐ-UBND ngày 30/5/2014	5884/30/10/2014; 5958/31/10/2014	126,974		71,939	71,627	71,627 (99,57%)	1	Năm 2017	15/TB-KTNK/VII ngày 18/8/2017 của Kiểm toán nhà nước Khu vực II	97 tháng	24 tháng	Đã thi công hoàn thiện tuyến đường dài 1.160/1.651m. Công trình thi công khối lượng ước đạt 70% giá trị hợp đồng xây lắp. Hiện đang vướng mắc trong công tác GPMB.	Vướng mắc trong công tác GPMB do các hộ dân không đồng ý với phương án đền bù được phê duyệt; Nguồn ngân sách thị xã còn khó khăn.				
21	Tuyến đường trục dọc D1	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Tân Mai	C	232/QĐ-UBND-CN ngày 19/1/2009		110,706		110,706	34,480	33,336	34,480 (100%)	3	Năm 2017, 2018	Thanh tra Sở XD năm 2017, Thanh tra Tỉnh năm 2017 về số dư tạm ứng, Kiểm toán 2018	84 tháng		Đã thi công hoàn thành khoảng 37% giá trị hợp đồng, dừng thi công từ năm 2017 do vướng mắc công tác GPMB	Do vướng công tác GPMB (chi phí GPMB và chi phí xây dựng tăng cao). Dự án cần phải điều chỉnh tổng mức đầu tư mới tiếp tục triển khai được, nguồn vốn ngân sách thị xã khó khăn			
22	Tuyến đường trục dọc D2	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Tân Mai	C	5371/QĐ-UBND-CN ngày 05/11/2010		60,948		60,948	5,900	4,260	5,9 (100%)	1	Năm 2017	Thanh tra Tỉnh năm 2017 về số dư tạm ứng	84 tháng		- Giai đoạn 1: Đã thi công hoàn thành khoảng 73% giá trị hợp đồng và dừng thi công từ năm 2015 do vướng mắc công tác GPMB, năng lực nhà thầu hạn chế. - Giai đoạn 2: Chưa triển khai thi công do vướng mắc công tác GPMB.	Do vướng công tác GPMB (chi phí GPMB và chi phí xây dựng tăng cao). Nguồn vốn bổ trợ ngân sách thị xã gặp khó khăn. Đơn vị xây lắp, TVGS chưa phối hợp hoàn thiện hồ sơ hoàn ứng theo quy định (mặc dù đã nhiều lần có văn bản đôn đốc)			
23	Tuyến đường trục dọc D4	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Thái Hòa	C	2459/QĐ-UBND-CN ngày 10/6/2010	5213/QĐ-UBND-CN ngày 29/10/2010	57,074		57,074	25,500	26,362	25,5 (100%)	3	Năm 2014, 2015	Kiểm toán KV 2 năm 2014; Kiểm tra công tác QLCL Sở XD 2015	30 tháng	12 tháng	Đã thi công hoàn thành khoảng 44% giá trị hợp đồng, dừng thi công từ năm 2015 do vướng mắc công tác GPMB	Do vướng công tác GPMB (chi phí GPMB và chi phí xây dựng tăng cao). Nguồn vốn bổ trợ ngân sách thị xã gặp khó khăn. Dự án phải thực hiện điều chỉnh mới có thể triển khai tiếp tục. Đơn vị xây lắp chưa phối hợp hoàn thiện hồ sơ hoàn ứng theo quy định (mặc dù đã nhiều lần có văn bản đôn đốc)			
24	Tuyến đường ngang N8 (giai đoạn 1)	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Tây Hiếu	C		5264/QĐ-UBND-CN ngày 30/10/2010	78,291	54,340	23,951	69,727	71,25	69,727 (100%)	3	Năm 2014, 2015	Kiểm toán KV 2 năm 2014; Kiểm tra công tác QLCL Sở XD 2015	120 tháng	36 tháng	Dự án đã thi công hoàn thành khoảng 95% giá trị hợp đồng, dừng thi công từ 2020 do vướng mắc công tác GPMB	Dự án vướng GPMB 02 hộ dân thuộc phạm vi vỉa hè			
25	Tuyến đường tránh lũ và cứu hộ, cứu nạn cho các xã Quế Sơn, Mường Nọc và Châu Kim, huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An;	UBND huyện Quế Phong	UBND xã Quế Phong	B		5634/QĐ-UBND-CN ngày 23/11/2010; 830/QĐ-UBND-CN ngày 21/3/2012	121,459			22,338	7,338	7,338	1,00	2.916	1151/KL-TTCTP của Thanh tra Chính phủ	168 tháng	144 tháng	Đã triển khai thi công nền, công thoát nước, rãnh dọc đoạn Km0+00 đến Km0+800. Đang triển khai công tác điều chỉnh dự án theo Công văn số 2814/UBND-CN ngày 10/4/2024 của UBND tỉnh. Vốn đã giải ngân: 7,338 tỷ đồng	Dự án được triển khai thực hiện từ năm 2012, tuy nhiên do khó khăn về nguồn vốn nên thời gian thi công kéo dài. Bên cạnh đó, hiện trạng tuyến thay đổi nhiều so với kết quả trích đo GPMB năm 2012 dẫn đến khó khăn trong công tác kiểm kê GPMB.			
26	Đường giao thông từ xã Lương Minh vào khu tái định cư bản Cà Moong huyện Tương Dương	UBND huyện Tương Dương	Số Xây dựng	B	3235/QĐ-UBND-CN ngày 30/8/2010	2771/QĐ-UBND ngày 20/7/2011	195,632		195,632	73,766	82,513	73,766 (100%)	1	17/6/2014 - 25/7/2014	2057/SXD/ĐKT.T TR ngày 20/10/2014 của Thanh tra Sở Xây dựng	156 tháng	156 tháng	Dự án đã dừng thi công từ năm 2018	Dự án đã dừng thi công từ năm 2018			
27	Đường ngang số 21	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	B	số 07/UB-CN ngày 4/1/2005	số 454/QĐ-UBND ngày 30/01/2024	96,220		96,220	30,321	30,321	30,321 100%	1	Ngày 17/10/2013 đến 19/11/2013	Số 50/SXD-ĐKT.T Tr ngày 09/01/2014 Sở xây dựng		15 tháng	Khối lượng hoàn thành ước đạt 43%.	Dự án đã thi công được khoảng 277m gồm nền đường, hệ thống thoát nước và công kỹ thuật; tại thời điểm thi công, nguồn vốn khó khăn, không đủ để thi công tiếp.			
28	Đường ngang số 20 thị xã Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	B	4382/QĐ-UBND-CN ngày 31/8/2009	6300/QĐ-UBND-CN ngày 08/12/2009	135,74			111,719	127,763	109,711 (98,2%)					14 tháng	Khối lượng hoàn thành ước đạt 91%.	Dự án đã cơ bản hoàn thành, chỉ vướng mắc đến bù GPMB đoạn Km2+070 do hộ bà Lê Thị Hạnh không chấp thuận phương án đền bù GPMB nên dự án dừng kéo dài không thực hiện thi công để hoàn thành và không quyết toán được dự án			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (tên quốc gia, tổ chức chính quyền địa phương cấp)	Chức năng dự án (sơ lược)	Quyết định CTD/phiếu đầu tư (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư (tỷ đồng)			Lũy kế trị giá ngân sản (tỷ đồng)	Số lần kiểm tra, thanh tra	Kiểm tra, thanh tra dự án		Thời gian chậm trễ dự án (tháng)	Tiến độ đầu tư đến thời điểm hiện nay	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú
					Tổng số	NSTW	Khác			Thời gian kiểm tra, thanh tra năm, cơ quan hạn chế	Theo QP đầu tư (tháng)	Theo QP đầu tư (tháng)				
39	Xây dựng đường giao thông các trung tâm xã Quảng Phước huyện Quảng Phước - tỉnh Nghệ An	UBND huyện Quảng Phước	UBND xã Mường Quảng	1357/QĐ- UBND-CN ngày 04/5/2005	51.535			38.734 (100%)	1	2011	96 tháng	96 tháng	Dự án được UBND tỉnh cho phép đầu tư xây dựng từ năm 2005, đến nay đã hoàn thành 100%. Dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và phê duyệt dự án đầu tư.			
40	Xây dựng cầu Đền qua Kênh Tháp thuộc dự án: Sửa chữa, nâng cấp hệ thống đê Kênh Tháp huyện Hưng Nguyên	UBND huyện Hưng Nguyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường	4364/QĐ-UB ND-CN ngày 19/10/2011	53.239	13.647	39.592	38.906 (100%)	3	2014; 2015	160 tháng	63 tháng	Dự án đã thi công cơ bản hoàn thành. Dự án đã thi công cơ bản hoàn thành. Dự án đã thi công cơ bản hoàn thành.			
41	Mường tiên nước Bàu Tây, xã Hưng Đông, thành phố Vinh	UBND xã Hưng Đông	UBND phường Vinh Hưng	2386 (11/06/2013) 5016 (29/10/2013)	13.944			1.506 (100%)			108 tháng		Do nguồn vốn của dự án chủ yếu từ ngân sách tỉnh. Giai đoạn đầu tiên đã thi công xong phần đầu tiên của dự án.			
42	Đường GTNT từ bến Hương đến bến Mươi xã Nghĩa Khánh	UBND huyện Nghĩa Đàn	Các cơ quan, đơn vị chủ đồng cấp nhà giao chủ đầu tư theo các	6382/QĐ- UBND ngày 18/12/2012	14.946								Do nguồn vốn của dự án chủ yếu từ ngân sách tỉnh. Giai đoạn đầu tiên đã thi công xong phần đầu tiên của dự án.			
43	Dự án Đường giao thông từ bến Hương đến bến Mươi xã Nghĩa Sơn, huyện Anh Sơn	UBND huyện Anh Sơn	Các cơ quan, đơn vị chủ đồng cấp nhà giao chủ đầu tư theo các quyết định của UBND tỉnh	6139/QĐ- UBND ngày 29/10/2013	35.909	20.000		20.000 (100%)			18 tháng	8 tháng	Do nguồn vốn của dự án chủ yếu từ ngân sách tỉnh. Giai đoạn đầu tiên đã thi công xong phần đầu tiên của dự án.			
44	Đường giao thông vào Dự án Tổ hợp sản xuất Công nghiệp cao tại xã Nam Giang, huyện Nam Đàn (GD 1)	UBND huyện Nam Đàn	UBND xã Kim Liên	5017/QĐ- UBND-CTMT ngày 29/10/2013	55.290	55.290		11.560 (100%)			102 tháng		Do nguồn vốn của dự án chủ yếu từ ngân sách tỉnh. Giai đoạn đầu tiên đã thi công xong phần đầu tiên của dự án.			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTBT/phê duyệt đề xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lũy kế hồ sơ tri vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)					
							Tổng số	NSTW	NSDP													
45	Đường điện khu công nghiệp Na Khứu xã Tiên Phong	UBND huyện Quế Phong	UBND xã Quế Phong	C	Số: 5267/QĐ-UB ND-CN XD ngày 30/10/2010; Quyết định điều chỉnh số 3483/QĐ-UBND ngày 12/8/2015 của UBND tỉnh	4,700				2,544	2,443 (96,03%)					168 tháng	108 tháng	- Hạng mục tuyến đường dây 35KV: Thi công xong 4/5 vị trí móng cột và dựng cột. Đào, đúc móng neo, tiếp địa; Tập kết các vật liệu Xà, sứ, phụ kiện, máy biến thế, cột đường dây 0,4KV đến chân công trình. - Hạng mục Trạm biến áp 35KV: Thi công xong móng cột và dựng cột Trạm biến áp 35kV; Tập kết máy biến áp và các thiết bị trạm đến chân công trình. - Hạng mục đường dây 0,4 kV: Đã tập kết cột, tiếp địa, dây dẫn và các phụ kiện đến chân công trình. - Số vốn đã bố trí và giải ngân 2,544 tỷ đồng	Công trình dừng thi công từ năm 2016 do vướng mắc công tác GPMB và không được bố trí vốn. Mặt khác, cụm công nghiệp Na Khứu không được đưa vào quy hoạch do dự án không còn phù hợp với các Quy hoạch trên địa bàn huyện.			
46	Dự án Sửa chữa rãnh cáp đường nhựa đoạn đi xã Hương Sơn	UBND xã Hương Sơn	UBND xã Tân An	C	1497/QĐ-UBND ngày 23/5/2014	6,173												Thi công đạt 63%, hiện nay đang tạm dừng	Công trình dừng thi công do không bố trí nguồn vốn và nhà thầu không phối hợp để lập hồ sơ quyết toán			
47	Hạ tầng kỹ thuật khu du lịch bãi Chứa đảo Ngự	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các	C	2026/QĐ-UB ND-CN ngày 11/5/2009	14,814				6,851	6,851 (100%)					166 tháng		Khối lượng hoàn thành ước đạt 50%	Hạng mục còn lại chưa đầu tư bị trùng quy hoạch dự án Vinpearl, nhà thầu không phối hợp hoàn thiện hồ sơ quyết toán.			
48	Đường ngang số 22	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các	C	1822/QĐ-UB ND-CN XD ngày 6/5/2010	10,746				6,485	6,485 (100%)					158 tháng		Dự án đã thi công được một số hạng mục và đúc các cấu kiện, công dục	Vướng mặt bằng thi công và chưa có nguồn vốn bố trí cho dự án			
49	Nâng cấp, xây mới một số tuyến điện chiếu sáng đô thị Cửa Lò	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các	C	5444/QĐ-UB ND-CN ngày 22/10/2009	22,315				9,119	9,119 (100%)	1	43251	43371	158 tháng			Khối lượng hoàn thành ước đạt 50%	Do chưa bố trí được nguồn vốn nên đến nay nhà thầu vẫn chưa triển khai			
50	Đường nối từ đường Sáo Nam đến đường Nguyễn Sinh Cung	UBND thành phố Vinh	UBND phường Cửa Lò	C	1562/QĐ-UB ND-CN ngày 27/4/2009	33,951				14,562	14,562 (100%)	1	Từ ngày 17/10/2013 đến 19/11/2013, tại báo cáo Số 12/BC-ĐKT.TTr ngày 30/12/2013 của Sở xây dựng	Số 50/SXD-ĐKT.TTr ngày 09/01/2014 Sở xây dựng	168 tháng			Khối lượng hoàn thành ước đạt 50%	Công trình đang thi công dở dang do không có nguồn vốn và mặt bằng để thực hiện.			
51	Đường dọc số 3 (đoạn 3)	UBND thành phố Vinh	Các cơ quan, đơn vị chủ động cấp nhật giao chủ đầu tư theo các	C	4124/QĐ-UB ND-CN ngày 22/8/2009	49,480				9,350	9,350 (100%)					164 tháng		Chỉ mới thi công được cấu kiện BTCT đúc sẵn hệ thống thoát nước	Vướng mặt bằng thi công và nguồn vốn bố trí cho dự án không có			
52	Tuyến đường N3, khu đô thị Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An	UBND thị xã Hoàng Mai	UBND phường Tân Mai	C		34,496												Công trình thi công cơ bản hoàn thành toàn bộ tuyến, đang khai thác kỹ thuật	Công trình thi công cơ bản hoàn thành toàn bộ tuyến, đang khai thác kỹ thuật. Vướng mắc công tác GPMB phần vỉa hè.			
53	Tuyến đường ngang N2	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Thái Hòa	C	233/QĐ-UB ND-CN ngày 19/1/2009	32,505		22,468	10,037	22,468	21,937	1	Năm 2016	Kiểm toán 2016	Giai đoạn: 1 Năm 2009-2010; Giai đoạn 2 Khi có điều kiện về nguồn vốn đảm bảo để thực hiện đầu tư	12 tháng	Đã thi công hoàn thành khoảng 55% giá trị hợp đồng, dừng thi công từ năm 2016 do vướng mắc công tác GPMB	Do vướng công tác GPMB (chi phí GPMB tăng cao). Nguồn ngân sách thị xã gặp khó khăn. Tại thời điểm hiện tại để hoàn thành dự án dự kiến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 32.505 triệu đồng lên 62.505 triệu đồng (do chi phí GPMB tăng 30.000 triệu đồng)				

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chức năng (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Số, ngày, tháng, năm quyết định	Quyết định đầu tư				Lợi kế đã được phê duyệt (tính đến 31/12/2024)	Lợi kế bổ sung (tính đến 31/12/2024)	Lợi kế giá trị gia tăng (tính đến 31/12/2024)	Số lần kiểm tra, thanh tra, kiểm tra, thanh tra	Thời gian chậm tiến độ (tháng)	Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện tại	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Chỉ chủ
					Tổng số	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)												
						NSTW	NSDP	Trong đó										
54	Tuyến đường ngang NC	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Thái Hòa	3616/QĐ UB ND-CN ngày 19/7/2009	31.389	20.000	11.389		4.531		1	Năm 2009 - năm 2010	Đang tạm dừng thi công từ năm 2018 do vướng công tác GPMB, nguồn vốn 1,6 tỷ	Do vướng công tác GPMB (chủ đầu tư GPMB và chủ đầu tư dự án GPMB) Nguồn vốn bố trí gặp khó khăn. Tại thời điểm hiện tại để hoàn thành dự án dự kiến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 31.398 triệu đồng lên 211.398 triệu đồng (tăng 180.000 triệu đồng)				
55	Tuyến đường trục dọc D3	UBND thị xã Thái Hòa	UBND phường Thái Hòa	5102/QĐ UB ND-CN ngày 28/10/2010	45.256	45.256			27.607		2	Năm 2017, 2018		Giai đoạn 02, 03: đã thi công hoàn thành 90% giá trị hợp đồng, đồng thi công từ năm 2022 do vướng mức công tác GPMB.	- Vướng công tác GPMB do chủ đầu tư GPMB tăng. Hiện nay chủ đầu tư GPMB trong tổng mức đầu tư đã hết, để hoàn thành công tác GPMB dự kiến phải điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 45.256 triệu đồng lên 64.456 triệu đồng (tăng 19.200 triệu đồng). - Nguồn ngân sách thu từ phí gặp nhiều khó khăn.			
56	Dự án Đường giao thông từ Quốc lộ 7A vào nhà máy xi măng Hốp Sơn	UBND huyện Anh Sơn	UBND xã Anh Sơn	47/2010	16.665	9.460			9.853	9.460 (100%)	Kiểm tra			Dự án được triển khai thi công năm 2012, đã thi công hoàn thành: đoạn Km0+285 - Km0+941,34. Tuy nhiên, do 285m đoạn đầu tuyến vướng GPMB và Nhà máy xi măng Hốp Sơn không được đầu tư tiếp nên dự án bị gián đoạn. Năm 2019, đơn vị thi công gặp khó khăn, không đảm bảo năng lực thi công để tiếp tục thi công. Ngày 26/9/2024 UBND huyện đã hoàn thành xong việc chấm dứt Hợp đồng với đơn vị thi công cũ. Hiện nay, UBND huyện đang thực hiện thủ tục điều chỉnh đơn giá dự toán và lựa chọn nhà thầu để tiếp tục thi công hoàn thành dự án.	Công trình thi công từ năm 2010, hiện đang thi công nhà thầu thi công gói thầu XL số 03. Trong quá trình thi công các đơn vị chưa thi công theo đúng tiến độ, hơn nữa nguồn vốn bố trí để triển khai dự án còn hạn chế vì vậy công trình phải dừng từ năm 2012.			
57	Dự án Đường giao thông từ quốc lộ 7A đến khu dân cư Cao Lãng, Trung tâm đô thị Con Trùng, huyện Con Trùng (giai đoạn 1)	UBND huyện Con Trùng	UBND xã Con Trùng	5386/QĐ UB ND-CN ngày 25/10/2009; 3512/QĐ-UBND ngày 10/11/2022	25.374									Dự án đang triển khai thi công, hiện nay chỉ còn đoạn gần 1 Km cuối tuyến do chưa giải phóng xong mặt bằng	Vướng mắc giải phóng mặt bằng			
58	Nhà máy cung cấp nước sạch từ xã Diên Quảng, huyện Diên Quảng, tỉnh Nghệ An	UBND xã Diên Quảng	UBND xã Minh Châu	4127/QĐ-UBND ngày 06/10/2011	19.107				10.428	10.480 (100%)		137 tháng	117 tháng	Đã hoàn thành Hồ chứa sơ tầng dung tích 6699,6 m ³ ; bể lọc nước thô; Bể chứa nước sạch 300m ³ . Công ra vào. Mương thoát nước. 2. Xây dựng xong phần bố Nhà quản lý vận hành (khối lượng khoảng 73%). Nhà để thiết bị (khoảng 80%). Hàng rào (Xây dựng bộ phía đông xong phần thô và bộ đồ bộ năm 2017, phần còn lại rào bằng lưới thép). 3. Đường ống chính dài khoảng 50%, đường ống phụ/dây khoảng 20%, đầu nối vào hồ già định khoảng 70 bộ giá định/1041 bộ dài khoảng 12%. 4. Hệ thống tiết kiệm điện (0%). Tổng giá trị đã hoàn thành: 10.428 triệu đồng.	Dự án được phê duyệt trước ngày luật đầu tư công có hiệu lực (11/2015). Sau ngày luật đầu tư công có hiệu lực, dự án không tiếp tục được đầu tư nguồn vốn theo cơ chế nguồn vốn được phê duyệt			
59	Hệ thống điện chiếu sáng thị trấn Nghĩa Sơn, huyện Nghĩa Sơn	UBND huyện Nghĩa Sơn	UBND xã Nghĩa Sơn	2115/QĐ-UBND ngày 28/5/2015	10.346				4.850	4,5 (100%)		117 tháng	94 tháng	Dự án đã thi công hoàn thành 68/109 công trình	Khó khăn về khả năng cân đối nguồn vốn của địa phương và năng lực của đơn vị thi công trong quá trình triển khai không đáp ứng tiến độ thực hiện dự án			

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án	Quyết định CTDT/phê duyet để xuất dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lũy kế bổ trị vốn (đến ngày 31/12/2024)	Lũy kế khối lượng đã được nghiệm thu (đến 31/12/2024)	Lũy kế giá trị giải ngân (đến 31/12/2024); tỷ lệ % giải ngân	Kiểm tra, thanh tra dự án			Thời gian chậm tiến độ		Tiến độ dự án/tình trạng công trình đến thời điểm hiện nay	Lý do tồn đọng, dừng thi công, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú	
						Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)						Số lần kiểm tra, thanh tra	Thời gian kiểm tra, thanh tra	Kết luận kiểm tra, thanh tra (số, ngày tháng năm, cơ quan ban hành)	Theo QĐ đầu tư ban đầu (tháng)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (tháng)						
							Tổng số	NSTW	NSDP														Khác
60	Xây dựng đường giao thông vào trung tâm xã Tân Thắng	UBND huyện Quỳnh Lưu	Sở Xây dựng	C	số 506/QĐ- UB.CN ngày 03/02/2005	1983/QĐ.UB ND-CN ngày 08/5/2009; 5338/QĐ.UB ND-CN ngày 19/10/2009	48,6				42.752	31.050	42.752 (100%)	1	Năm 2012	Báo cáo Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2012 của huyện Quỳnh Lưu ngày 31/12/2013	156 tháng	96 tháng	- Các hạng mục đã thực hiện: đoạn tuyến từ Km0+00 ÷ Km5+914,26 và 2 cầu tại lý trình Km1+395,2; Km3+117,68, đoạn Km5+914,26 ÷ Km11+426,15; Cầu Vực Mắm tại lý trình Km4+952,66 (từ phần lan can cầu). - Các hạng mục chưa thực hiện: Phần đường đoạn Km9+185,01÷Km9+466,58 (chiều dài 221,54m), lan can cống hộp tại Km9+732,03, lan can Cầu Vực máu Km4+952,66. - Đoạn từ Km6+700 ÷ Km9+185,01 (chiều dài 2.485,01m) trùng với dự án Đường giao thông nối QL1A (Hoàng Mai) đi thị xã Thái Hòa không thi cống. Kiểm toán Nhà nước khu vực II đã giám trừ tại Báo cáo Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2012 của huyện Quỳnh Lưu ngày 31/12/2013.	Do Công ty TNHH Xuân Quỳnh phá sản không hoàn ứng ứng khối lượng đã tạm ứng.			
61	Đường giao thông nối QL1A (Quỳnh Thạch) đi Quỳnh Hoa	UBND huyện Quỳnh Lưu	Sở Xây dựng	C		439/QĐ.UB ND-CN ngày 12/02/2009	18,667				15,117	10,285	15,117 (100%)	1	2015	Kết luận số 274/SXD- ĐKT.TTtr ngày 04/02/2016 của Thanh tra Sở Xây dựng	149 tháng	38 tháng	- Các hạng mục đã thực hiện: 3,5km nền đường (từ Km0+00 ÷ Km3+500); Đổ nhựa 3.335 km mặt đường (từ Km0+00 ÷ Km3+335); cống ngang đường các loại trên đoạn từ Km0+00 ÷ Km3+500, mương dọc đoạn từ Km0+00 ÷ Km0+525. - Các hạng mục chưa thực hiện: Đoạn qua đường sắt Bắc - Nam từ Km2+00 ÷ Km2+72,6 và đoạn qua khu dân cư từ Km3+500 ÷ Km4+130 chưa thi công mặt đường; Nền, mặt đường và cống các loại đoạn từ Km4+130 ÷ Km6+387 (thuộc địa bàn xã Quỳnh Hoa và Ngọc Sơn) và hệ thống an toàn giao thông	Do điều kiện khó khăn về nguồn vốn, từ năm 2021 đến nay dự án không được cấp thêm nguồn vốn.			
62	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư số 02 tại xã Ngũ Đức, thành phố Vinh phục vụ giải phóng mặt bằng dự án đường giao thông nối Vinh - Cửa Lò (giai đoạn 1)	UBND thành phố Vinh	UBND phường Vinh Phù	C		6147/QĐ.UB ND ngày 20/12/2017; 1676/QĐ.UB ND ngày 07/5/2018	27,103				9,715	9,715	9,715 (100%)				66 tháng	Thời gian thực hiện dự án đến 31/12/2025 (Quyết định số 2819/QĐ- UBND ngày 25/10/2024 của UBND (tỉnh))	Dự án đã thi công được khoảng 40% khối lượng và đang tạm dừng thi công do thực hiện thủ tục điều chỉnh quy hoạch, điều chỉnh chủ trương đầu tư, điều chỉnh dự án. ...	Do vướng mắc thủ tục điều chỉnh quy hoạch của dự án theo quy hoạch phân khu 1/2.000 xã Ngũ Đức			
63	Đường dẫn sinh oxy hoặc giữa 2 dự án của Công ty TNHH một thành viên Công tên thuyền Hải Châu và Công ty CP Sài Gòn Trung Đô, phường Trung Đô, thành phố Vinh	UBND thành phố Vinh	UBND phường Trường Vinh	C		11493/QĐ- UBND ngày 21/10/2015; 11935/QĐ- UBND ngày 30/10/2015	13,900				7,359	3,200	7,359 (100%)				84 tháng		Đã thi công hoàn thành được 70% khối lượng hợp đồng (dài khoảng 230m). Dự án đang phải tạm dừng thi công do diện tích đất đai khoảng 70m; ...	Do vướng mắc trong công tác BT- GPMB: 09/09 hộ dân bị ảnh hưởng không đồng ý nhận tiền theo phương án BT-GPMB (phê duyet năm 2016) và phương án chậm chi trả (phê duyệt năm 2022); Chênh lệch giá nơi đi và nơi đến quá lớn do phê duyệt không cùng thời điểm.			
64	Nâng cấp các tuyến đường thuộc khu vực Ra đa 45 và trại huấn luyện xã Hưng Lộc	UBND xã Hưng Lộc	UBND phường Vinh Lộc	C		5978/QĐ- UBND	10,549				11,750	8,950	8,75 (74,47%)	1	15/12/202 3- 15/1/2024	619/UBND-MV ngày 31/1/2024		35 tháng	Hoàn thành khoảng 80% khối lượng hợp đồng	Đang dừng thi công do vướng mắc công tác GPMT tại doanh trại trạm Rada 46			
65	Xây dựng bãi xử lý rác thải huyện Quỳnh Lưu	UBND huyện Quỳnh Lưu	UBND xã Quỳnh Sơn	C		4335/QĐ.UB ND-CN ngày 16/11/2006	25,508				22,887		22,887 (100%)	1	2010	Kiểm toán nhà nước khu vực II kiểm toán tại báo cáo ngày 31/01/2012 về việc Báo cáo Kiểm toán ngân sách, tiền và tài sản nhà nước năm 2010 của huyện Quỳnh Lưu			Các hạng mục đã hoàn thành nhưng chưa có biên bản bàn giao đưa vào sử dụng				

TT	Tên dự án	Chủ đầu tư (trước khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Chủ đầu tư (sau khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp)	Nhóm dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định CT/ST/Phê duyệt dự án (Số, ngày, tháng, năm)	Quyết định đầu tư				Lấy kế hoạch tổng trị vốn (tính đến ngày 31/12/2024)	Lấy kế hoạch tổng trị vốn (tính đến ngày 31/12/2024)	Lấy kế hoạch tổng trị vốn (tính đến ngày 31/12/2024)	Kiểm tra, thanh tra dự án			Theo QĐ đầu tư (thông)	Theo QĐ đầu tư điều chỉnh lần cuối (thông)	Tiến độ dự án (trên tổng tiến độ thực hiện)	Lý do tồn đọng, chậm tiến độ, chậm tiến độ	Biện pháp xử lý	Kết quả xử lý	Ghi chú
						Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)																
						Tổng số	NSTW	NSDP	Khác													
66	Dương nội bộ và kế hoạch xây dựng Nhà Sàn	UBND thị xã Thuận Hòa	UBND phường Thuận Hòa	C	4776/QĐ UBND-CN ngày 28/10/2008	48.511		48.511		32.921	31.343		3	Năm 2013, 2013, kiểm tra năm, cơ quan Ban hành	Phải kiểm tra, thanh tra UBND-CN ngày 28/10/2008			Giải đơn 1: Đã quyết toán năm 2015. Giải đơn 2: Đã hoàn thành công tác nghiệm thu đầu vào và dự án, đang ra quyết toán dự án. Đơn vi xử lý chưa phải hợp hoàn thiện hồ sơ quyết toán công trình theo quy định.				
57	Dương giao hàng vào khu vực thị trấn Thái	UBND thị xã Thuận Hòa	UBND phường Thuận Hòa	C	4832/QĐ UBND-CN ngày 31/10/2008	44.313		44.313		39.446	40.844		1	Năm 2014	Kiểm toán 2014			Dự án đã thi công hoàn thiện năm 2013, đang hoàn thiện hồ sơ để tổ chức kiểm tra công tác nghiệm thu đầu vào và dự án, đang ra quyết toán dự án. Đơn vi xử lý chưa phải hợp hoàn thiện hồ sơ để nghiệm thu theo quy định của Kip Hôn				
68	Dương giao hàng trực tiếp, các trung tâm thị trấn Quán Hài, huyện Nghĩa Lộ, tỉnh Nghệ An	UBND huyện Nghĩa Lộ	UBND xã Nghĩa Lộ	B	72/QĐ-UBND ngày 27/10/2015 của UBND tỉnh	135.106	124.200	10.906		126.692	130.948	126.692 (100%)	1	Năm 2021	SB kiểm toán Nhà nước Khu vực 2 ngày 7/8/2022, Thanh tra Sở KHX&DT năm 2021	27 tháng	0	Dự án chậm tiến độ do vướng mắc GPMB. Ngày 23/01/2025, dự án đã được UBND tỉnh cho phép gia hạn tại VB số 639/QĐ-UBND-CN ngày 31/3/2025. Năm 2025, dự án đã được nghiệm thu đầu vào, đã hoàn thành công tác GPMB và dự án, đang ra quyết toán dự án. Đơn vi xử lý chưa phải hợp hoàn thiện hồ sơ để thi công hoàn thành các hạng mục.				
59	Nhà máy nước huyện Nghĩa Bình	UBND huyện Nghĩa Bình	UBND xã Nghĩa Bình	B	2317/QĐ UBND-CN ngày 29/02/2009	104.475				21.710	21.710	21.71 (100%)				120 tháng		Hoàn thành sau này, ông nước nhà, hệ thống nước	Dừng triển khai theo công văn số 666/UBND-PTXD ngày 01/02/2016 của UBND tỉnh để chuyển đổi hình thức đầu tư PPP			